

**TÒA ÁN NHÂN DÂN**  
**TỈNH KIÊN GIANG**  
Bản án số: 201/2018/DS-PT  
Ngày 30-11-2018  
V/v tranh chấp đòi lại tài sản

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Trâm Anh

*Các Thẩm phán:* Ông Võ Minh Triều

Ông Phan Văn Thuận

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trịnh Kim Cương – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:**  
Ông Trịnh Văn Dương - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 112/2018/TLPT-DS ngày 30 tháng 8 năm 2018 về việc tranh chấp đòi lại tài sản.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 04/2018/DS-ST ngày 03 tháng 5 năm 2018 của Tòa án nhân dân thị xã H (nay là Tòa án nhân dân thành phố H), tỉnh Kiên Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 192/2018/QĐPT-DS ngày 12 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:**

1. Ông Phan Văn N, sinh năm 1961 (có mặt)

2. Bà Trần Thị C, sinh năm 1963 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

3. Chị Võ Thị Ngọc P, sinh năm 1984 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: số 24, tổ 1, ấp K, thị trấn T, huyện T, tỉnh Kiên Giang.

Đại diện hợp pháp cho nguyên đơn Võ Thị Ngọc P: ông Phan Văn N là đại diện theo ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 05/01/2017.

- *Bị đơn*: Ông Nguyễn Trọng M, sinh năm 1968 (vắng mặt)

Địa chỉ: số 111, tỉnh lộ 28, khu phố 1, phường P, thành phố H, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện hợp pháp của ông Nguyễn Trọng M: ông Võ Quang T1, trú tại tổ 1, ấp T, xã B, huyện H1, tỉnh Kiên Giang, là người đại diện theo ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 01/6/2018. (có mặt)

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Cháu Phan Võ Tấn P1, sinh năm: 2009 (vắng mặt)

Người đại diện hợp pháp của cháu Phan Võ Tấn P1: chị Võ Thị Ngọc P, sinh năm 1984 là đại diện theo pháp luật của cháu P1.

2. Ông Lưu Hồng T, sinh năm 1978 (vắng mặt)

Địa chỉ: số 13, tổ 08, ấp N, xã H, huyện K, tỉnh Kiên Giang.

3. Bà Châu Ngọc H, sinh năm 1972 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ 05, ấp N, xã H, huyện K, tỉnh Kiên Giang;

4. Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Kiên Giang, do ông Chung Văn Đ – Chức vụ Chi cục trưởng đại diện theo pháp luật (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- *Người kháng cáo*: Ông Nguyễn Trọng M

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- *Nguyên đơn* ông Phan Văn N, bà Trần Thị C, chị Võ Thị Ngọc P trình bày: Ông N, bà C, chị P và cháu P1 là những người đồng thừa kế tài sản của anh Phan Văn T2 (chết ngày 01/10/2009). Theo Bản án số 138/2015/DS-PT ngày 08/09/2015 của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang tuyên xử buộc ông Nguyễn Trọng M giao trả cho ông Phan Văn N giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H-02510 do UBND thị xã H cấp cho ông Nguyễn Trần Công D ngày 19/07/2006 và chỉnh biên động sang tên ông Nguyễn Thanh P2, từ Nguyễn Thanh P2 sang tên Phan Văn T2. Kiến nghị Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thay đổi điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên từ Lưu Hồng T sang tên Phan Văn T2. Ông N, bà C, chị P, cháu P1 có trách nhiệm trả lại cho ông Lưu Hồng T 85.000.000 đồng (tám mươi lăm triệu đồng) tại cơ quan Thi hành án.

Hiện nay bản án đã có hiệu lực pháp luật, ông Nguyễn Trọng M đã giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho cơ quan Thi hành án. Tuy nhiên, sau khi Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang giải quyết phúc thẩm vụ án xong, ông Nguyễn Trọng M đã bao chiếm căn nhà cấp 4 tọa lạc tại số nhà 12/8 L, Khu phố 4, phường Đ, thị xã H, tỉnh Kiên Giang và không giao trả lại tài sản cho ông N, bà C, chị P, cháu P1.

Căn nhà này được xây dựng trên phần đất tranh chấp với ông T, đã bị tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất vô hiệu bằng bản án phúc thẩm nêu trên của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang. Nay ông N, bà C, chị P yêu cầu Tòa án nhân dân thị xã H buộc ông M phải trả lại căn nhà cấp 4 tọa lạc tại số nhà 12/8, đường L, Khu phố 4, phường Đ, thị xã H, tỉnh Kiên Giang.

*Bị đơn ông Nguyễn Trọng M trình bày:* Căn nhà tọa lạc tại số nhà 12/8, đường L, Khu phố 4, phường Đ, thị xã H, tỉnh Kiên Giang là do ông và ông Lưu Hồng T nhận chuyển nhượng từ ông Phan Văn N. Giấy tờ do ông T trực tiếp làm, ông M có trực tiếp trả cho ông N số tiền là 60.000.000 đồng (sáu mươi triệu đồng) và ông N có làm biên nhận tiền từ ông M. Trong đó 50.000.000 đồng là của ông M và 10.000.000 đồng là của ông T đưa cho ông M để thanh toán cho ông N. Khi tranh chấp giữa ông N và ông M được Tòa án nhân dân thị xã H và Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang giải quyết, ông N hứa sẽ trả cho ông số tiền trên. Khi án có hiệu lực pháp luật, ông N không thực hiện trả lại tiền trên cho ông nên ông chiếm giữ căn nhà tại số 12/8, đường L, Khu phố 4, phường Đ, thị xã H, tỉnh Kiên Giang để buộc ông N, bà C, chị P, cháu P1 phải thanh toán tiền. Riêng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ông đã giao trả tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã H. Đối với yêu cầu trả lại tài sản là căn nhà tại 12/8, đường L, Khu phố 4, phường Đ, thị xã H, tỉnh Kiên Giang của các nguyên đơn, ông có yêu cầu phản tố, yêu cầu các nguyên đơn là ông N, bà C, chị P, cháu P1 trả lại cho ông số tiền 60.000.000 đồng (sáu mươi triệu đồng) thì ông sẽ trả căn nhà nêu trên cho các nguyên đơn.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Lưu Hồng T vắng mặt tại phiên tòa, trong quá trình giải quyết vụ án ông T trình bày như sau: Ngày 22/3/2011 ông và ông N có làm hợp đồng mua bán căn nhà cấp 4 tọa lạc tại số nhà 12/8, đường L, Khu phố 4, phường Đ, thị xã H, tỉnh Kiên Giang. Hợp đồng này do ông ký và nhờ ông M làm đại diện. Ông nhận chuyển nhượng nhà, đất của ông N với tổng số tiền là 135.000.000 đồng. Lần đầu ông giao trực tiếp cho ông N 25.000.000 đồng (hai mươi lăm triệu đồng), lần hai ông nhờ ông M đưa cho ông N 60.000.000 đồng (sáu mươi triệu đồng). Số tiền 60.000.000 đồng này bao gồm 10.000.000 đồng tiền của ông và 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng) ông vay mượn của ông M.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Châu Ngọc H vắng mặt tại phiên tòa, trong quá trình giải quyết vụ án bà H trình bày như sau: Bà là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa anh Phan Văn T2 với ông Lưu Hồng T theo bản án phúc thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang số 138/2015/DS-PT ngày 08/09/2015. Theo nội dung bản án phúc thẩm, buộc ông N, bà C, chị P, cháu P1 có nghĩa vụ giao trả số tiền 85.000.000 đồng cho ông Lưu Hồng T tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã H

tạm giữ để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ của ông T cho bà theo Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 22/2011/QĐ-BPKCTT ngày 23/5/2011 và Quyết định số 548/QĐ-THA ngày 25/7/2011 về việc Thi hành án theo đơn yêu cầu của Chi cục thi hành án huyện K. Bà đề nghị Tòa án nhân dân thị xã H giải quyết vụ án theo quy định pháp luật, mọi giao dịch liên quan đến tài sản ông T đều được thực hiện tại cơ quan thi hành án để đảm bảo quyền lợi cho bà.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, do ông Chung Văn Đ đại diện theo pháp luật trình bày: Căn cứ Quyết định số 61/2011/QĐST-DS ngày 02/6/2011 của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Kiên Giang, Chi cục Thi hành án dân sự huyện K ban hành Quyết định thi hành án số 548/QĐ-CCTHADS ngày 25/7/2011 và Quyết định về việc kê biên số 02/QĐ-CCTHADS ngày 09/11/2011 để đảm bảo thi hành án cho bà Châu Ngọc H từ tài sản do ông Lưu Hồng T đứng tên. Chi cục Thi hành án dân sự thị xã H cũng đã có quyết định thi hành án đối với bản án phúc thẩm số 138/2015/DS-PT ngày 08/09/2015 của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang, cụ thể là số tiền 85.000.000 đồng mà ông N, bà C, chị P, cháu P1 phải có nghĩa vụ trả lại cho ông T. Ngày 06/2/2018 Chi cục thi hành án dân sự huyện K ban hành Quyết định số 07/QĐ-CCTHADS về việc hủy quyết định thi hành án. Căn cứ các Quyết định trên, xét kết quả thi hành án của ông T, ngày 06/02/2018 Chấp hành viên ban hành Quyết định số 04/QĐ-CCTHADS về việc giải tỏa kê biên tài sản là 01 (một) căn nhà gắn liền với diện tích đất 49m<sup>2</sup>, thuộc thửa số 235, tờ bản đồ DH-13, khu phố 4, phường Đ, thị xã H, tỉnh Kiên Giang do ông Lưu Hồng T đứng tên quyền sử dụng đất. Nay ông Đ đề nghị Tòa án xem xét giải quyết vụ án theo quy định pháp luật, đồng thời đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp cho bà H vì bà H là người mà ông T đang còn nghĩa vụ thi hành án.

*Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2018/DS-ST ngày 03/5/2018 Tòa án nhân dân thị xã H đã quyết định:*

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện tranh chấp đòi tài sản giữa các nguyên đơn Phan Văn N, Trần Thị C, Võ Thị Ngọc P đối với bị đơn Nguyễn Trọng M.

Buộc ông Nguyễn Trọng M giao trả tài sản cho ông Phan Văn N, Trần Thị C, Võ Thị Ngọc P, Phan Võ Đức Phát là căn nhà tọa lạc tại số 12/8 L, Khu phố 4, phường Đ, thị xã H, tỉnh Kiên Giang. Được xây dựng trên quyền sử dụng đất đã được UBND thị xã H cấp giấy chứng nhận số H-02510 cho ông Nguyễn Trần Công D ngày 19/07/2006 và chính biến động sang tên ông Nguyễn Thanh P, từ Nguyễn Thanh P sang tên Phan Văn T2 vào ngày 14/7/2009 và chính biến động sang tên từ anh Phan Văn T2 sang tên ông Lưu Hồng T (Theo biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 17/4/2017 của Tòa án nhân dân thị xã H).

- Bác yêu cầu phản tố của ông Nguyễn Trọng M đối với ông Phan Văn N, bà Trần Thị C, chị Võ Thị Ngọc P, cháu Phan Võ Tấn P về việc yêu cầu trả lại số tiền 60.000.000 đồng (sáu mươi triệu đồng).

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và báo quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 18 tháng 5 năm 2018, ông Nguyễn Trọng M có đơn kháng cáo yêu cầu hủy bản án dân sự sơ thẩm số 04/2018/DS-ST ngày 03/5/2018 của Tòa án nhân dân thị xã H, tỉnh Kiên Giang.

**Tại phiên tòa phúc thẩm:** ông Phan Văn N rút yêu cầu khởi kiện đối với ông Nguyễn Trọng M về việc yêu cầu ông M giao trả nhà đất tọa lạc tại số 12/8 đường L, Khu phố 4, phường Đ, thị xã H, tỉnh Kiên Giang vì sau khi Tòa án xét xử sơ thẩm, ông M đã tự nguyện giao trả nhà đất cho ông N. Bà C cũng có đơn xin rút yêu cầu khởi kiện như trên.

Ông Võ Quang T1 là người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Trọng M thống nhất việc rút yêu cầu khởi kiện của ông N và bà C, tuy nhiên ông vẫn giữ nguyên yêu cầu phản tố và nội dung kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm: Về việc chấp hành pháp luật: Từ khi thụ lý cho đến trước khi tuyên án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Bản án dân sự phúc thẩm số 138/2015/DS-PT ngày 08/09/2015 của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang đã tuyên hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa anh Phan Văn T2 với ông Lưu Hồng T vô hiệu nên nhà đất này thuộc quyền sở hữu hợp pháp của những người thuộc hàng thừa kế của anh Phan Văn T2, ông M bao chiếm nhà đất nêu trên là trái quy định pháp luật. Mặt khác, tại bản án phúc thẩm nêu trên đã buộc ông N, bà C, chị P, cháu P1 (những người thuộc hàng thừa kế của anh T2) phải hoàn trả cho ông Lưu Hồng T số tiền 85.000.000 đồng, số tiền này đã bao gồm số tiền 60.000.000 đồng mà ông M phản tố buộc ông N phải hoàn trả cho ông M nên tòa án cấp sơ thẩm bác yêu cầu phản tố của ông M là có căn cứ. Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn đã rút yêu cầu khởi kiện do đó đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1, 4 Điều 308, Điều 311 của Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của ông M, hủy một phần bản án dân sự sơ thẩm số 04/2018/DS-ST ngày 03/5/2018 của Tòa án nhân dân thị xã H, tỉnh Kiên Giang và đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc ông Nguyễn Trọng M giao trả nhà đất tọa lạc tại số 12/8 đường Lầu Ba, Khu phố 4, phường Đông Hồ, thị xã H, tỉnh Kiên Giang, giữ nguyên một phần bản án dân sự sơ thẩm nêu trên về việc bác yêu cầu phản tố của ông Nguyễn

Trọng M đối với ông Phan Văn N, bà Trần Thị C, chị Võ Thị Ngọc P, cháu Phan Võ Tấn P về việc yêu cầu trả lại số tiền 60.000.000 đồng (sáu mươi triệu đồng).

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Trần Thị C, bà Châu Ngọc H, ông Chung Văn Đ đại diện Chi cục Thi hành án dân sự huyện K có đơn xin xét xử vắng mặt, ông Lưu Hồng T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt, căn cứ vào khoản 2, 3 Điều 296 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phan Văn N, bà Trần Thị C, chị Võ Thị Ngọc P: Tại phiên tòa phúc thẩm, ông N (đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của chị P) đã rút yêu cầu khởi kiện, bà C đã có đơn xin rút yêu cầu khởi kiện, ông T1 là đại diện theo ủy quyền của ông M cũng thống nhất việc rút yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên căn cứ vào Điều 311, điểm c khoản 1 Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự, hủy một phần bản án dân sự sơ thẩm số 04/2018/DS-ST ngày 03/5/2018 của Tòa án nhân dân thị xã H, tỉnh Kiên Giang và đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc ông Nguyễn Trọng M giao trả nhà đất tọa lạc tại số 12/8 đường L, Khu phố 4, phường Đ, thị xã H, tỉnh Kiên Giang.

[2] Về yêu cầu phản tố của ông Nguyễn Trọng M: Ông M có đơn phản tố ngày 09/02/2017 yêu cầu ông N, bà C, chị P, cháu P1 trả cho ông M số tiền 60.000.000đ (sáu mươi triệu đồng) tiền ông M hùn vốn với ông T để mua nhà của anh Phan Văn T2. Xét thấy tại bản án dân sự phúc thẩm số 138/2015/DS-ST ngày 08/9/2015 của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang đã buộc các đồng thừa kế của anh T2 phải hoàn trả cho ông Lưu Hồng T số tiền 85.000.000đ (tám mươi lăm triệu đồng), đây là số tiền ông N cha của anh T2 đã nhận từ hợp đồng chuyển nhượng nhà đất giữa anh T2 và ông T, số tiền này bao gồm 25.000.000đ (hai mươi lăm triệu đồng) ông N nhận từ ông T và 60.000.000đ (sáu mươi triệu đồng) ông N nhận từ ông M. Bản án có hiệu lực thi hành và xác định các đồng thừa kế của anh T2 phải thực hiện nghĩa vụ hoàn trả toàn bộ cho ông T chứ không phải hoàn trả cho ông M, việc ông M phản tố để yêu cầu đồng thừa kế của anh T2 phải thực hiện nghĩa vụ hoàn trả cho ông 60.000.000 đồng là không có cơ sở xem xét, cấp sơ thẩm bác yêu cầu phản tố của ông M là có căn cứ. Trường hợp ông M tranh chấp với ông T về số tiền 60.000.000đ (sáu mươi triệu đồng) mà ông M đã đưa cho ông N thì ông có quyền khởi kiện ông Lưu Hồng T thành một vụ kiện dân sự khác.

[3] Về nội dung kháng cáo của ông M: ông M kháng cáo cho rằng số tiền 60.000.000đ (sáu mươi triệu đồng) là tiền hùn vốn không phải là tiền ông Lưu Hồng T vay, cấp sơ thẩm đã không cho đối chất làm rõ nội dung này, mặt khác cấp sơ thẩm không đưa vợ ông là bà Tạ Xuân L tham gia tố tụng là thiếu người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Xét thấy, vụ án “*yêu cầu tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất vô hiệu*” được Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử phúc thẩm tại bản án số 138/2015/DS-ST ngày 08/9/2015, lời khai của ông M thể hiện số tiền 60.000.000đ (sáu mươi triệu đồng) ông thanh toán cho ông N bao gồm số tiền ông T nhờ ông vay 50.000.000 đồng, ông T nhờ người đưa cho ông thêm 10.000.000đ (mười triệu đồng), không có việc hùn vốn giữa ông và ông T để nhận chuyển nhượng nhà đất nêu trên, lời khai của ông M nêu trên phù hợp với lời khai của ông Lưu Hồng T (BL 99) nên cấp sơ thẩm không cần thiết phải tiến hành đối chất.

Đơn yêu cầu phản tố của ông Nguyễn Trọng M ngày 09/02/2017 và trong quá trình giải quyết vụ án, ông M không yêu cầu đưa bà Tạ Xuân L tham gia tố tụng, mặt khác Tòa án cấp sơ thẩm đã nhận định yêu cầu phản tố của ông M không có cơ sở xem xét tuy nhiên ông M có quyền khởi kiện ông Lưu Hồng T về số tiền này thành vụ kiện dân sự khác, do đó việc tòa án cấp sơ thẩm không đưa bà Lan tham gia tố tụng cũng không xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà L.

Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử thống nhất quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang, không chấp nhận nội dung kháng cáo của ông Nguyễn Trọng M, hủy một phần bản án dân sự sơ thẩm và đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, giữ nguyên một phần bản án dân sự sơ thẩm nêu trên về việc bác yêu cầu phản tố của ông Nguyễn Trọng M.

[4] Về án phí: ông M kháng cáo không được chấp nhận nên phải chịu án phí dân sự phúc thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1,4 Điều 308, Điều 311, khoản 2, 3 Điều 296 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 155, khoản 1 Điều 163, khoản 2 Điều 164, khoản 1 Điều 166, Điều 169; Điều 274 Bộ luật dân sự năm 2015; Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án số: 10/2009/PL - UBTVQH 12 ngày 27 tháng 02 năm 2009; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Không chấp nhận nội dung kháng cáo của ông Nguyễn Trọng M.

1. Hủy một phần bản án dân sự sơ thẩm số 04/2018/DS-ST ngày 03/5/2018 của Tòa án nhân dân thị xã H, tỉnh Kiên Giang và đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Phan Văn N, Trần Thị C, Võ Thị Ngọc P về việc buộc ông Nguyễn Trọng M giao trả nhà đất tọa lạc tại số 12/8 đường L, Khu phố 4, phường Đ, thị xã H, tỉnh Kiên Giang.

2. Giữ nguyên một phần bản án dân sự sơ thẩm số 04/2018/DS-ST ngày 03/5/2018 của Tòa án nhân dân thị xã H, tỉnh Kiên Giang về việc bác yêu cầu phản tố của ông Nguyễn Trọng M đối với ông Phan Văn N, bà Trần Thị C, chị Võ Thị Ngọc P, cháu Phan Võ Đức Phát về việc yêu cầu trả lại số tiền 60.000.000đ (sáu mươi triệu đồng).

### 3. Án phí:

+ Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc ông Nguyễn Trọng M chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp đòi tài sản là 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng). Buộc ông Nguyễn Trọng M nộp án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu phản tố không được chấp nhận là 3.000.000đ (ba triệu đồng). Tổng cộng là 3.200.000 đồng, được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0001103 ngày 09/02/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã H, tỉnh Kiên Giang.

Trả lại cho nguyên đơn Phan Văn N, Trần Thị C, Võ Thị Ngọc P tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0001049 ngày 02/12/2016 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã H, tỉnh Kiên Giang.

+ Án phí dân sự phúc thẩm: Buộc ông Nguyễn Trọng M phải nộp án phí dân sự phúc thẩm 300.000 đồng, được khấu trừ vào tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000 đồng, theo biên lai thu tiền số 0001080 ngày 04/6/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã H, tỉnh Kiên Giang.

### 4. Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ:

Buộc ông Nguyễn Trọng M phải hoàn trả chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 470.000đ (bốn trăm bảy mươi nghìn đồng) theo hóa đơn số 0015217 ngày 15/6/2017 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thị xã H cho các nguyên đơn ông Phan Văn N, bà Trần Thị C, chị Võ Thị Ngọc P.

### 5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi



hành án dân sự sửa đổi, bổ sung; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung./.

***Nơi nhận:***

- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- TAND tp. H;
- Chi cục THADS tp. H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thị Trâm Anh**